TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-DS	

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2025/TLST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2025

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Vũ Ngọc S,** sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: **Anh Vũ Sơn T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

Bị đơn: **Ông Vũ Thành V**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn 9, xã Ng, huyện P, Thành phố Hà Nội

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị Kim A, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 9, xã Ph, huyện P, Thành phố Hà Nội

Nay là xã P, Thành phố Hà Nội

- Bà Dương Thị K, sinh năm 1969 (Có yêu cầu độc lập)

Địa chỉ: Thôn 10, xã Ng, huyện P, Thành phố Hà Nội

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

- Chị Vũ Thanh H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà 33, thôn Đ, xã N, huyện Đ, TP Hà Nội

(Nay là xã Ph, TP Hà Nội)

- Anh Vũ Xuân L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 9, xã Ng, huyện P, Thành phố Hà Nội

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

- Bà Cấn Thị L1, sinh năm1962

HKTT: Thôn 9, xã Ng, huyện P, thành phố Hà Nội.

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

- Chị Phan Thị Th, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 9, xã Ng, huyện P, thành phố Hà Nội.

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

- Cháu Vũ Hải Đ, sinh năm 2022

- Cháu Vũ Khánh L2, sinh năm 2023

Người đại diện hợp pháp của cháu Đ và cháu L2 là anh Vũ Xuân L và chị Phan Thị Th

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1, chị H1, chị Th: **Anh Vũ Xuân L**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 9, xã Ng, huyện P, Thành phố Hà Nội

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Dương Thị K xin rút yêu cầu độc lập.

Nguyên đơn và bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận như sau:

2.1. Xác định người có di sản thừa kế để lại và thời điểm mở thừa kế:

Cụ Vũ Đức V1, chết ngày 01/02/2003

Cụ Nguyễn Thị T1, chết ngày 15/3/2012

2.2. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm:

- Cụ Vũ Đức B (bố cụ Vũ Đức V1) chết trước cụ V1, không rõ năm chết
- Nguyễn Thị Ch (mẹ cụ Vũ Đức V1) chết trước cụ V1, không rõ năm chết
- Cụ Nguyễn Văn T2 (bố cụ Nguyễn Thị T1), chết năm 1945
- Cụ Đỗ Thị T3 (mẹ cụ Nguyễn Thị T1), chết năm 1973.
- Bà Vũ Thị T4, sinh năm 1945

Địa chỉ: Số 08, NgB, phường N, TP Th, tỉnh Thanh Hóa

- Ông Vũ Thành V, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn 9, xã Ng, huyện P, TP Hà Nội

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

- Ông Vũ Ngọc S, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện P, TP Hà Nội

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

- Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn 4, xã Ph, huyện P, TP Hà Nội.

Nay là xã P, Thành phố Hà Nội

- Ông Vũ Đức Đ1, sinh năm 1965, chết năm 2009 (Ông Đ1 chết sau bố và chết trước mẹ)

Ông Đ1 có vợ là bà Dương Thị K, sinh năm 1969. Bà K đang ở Thôn 10, xã Ng, huyện P, TP Hà Nội (Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội). Vợ chồng ông Đ1, bà K không có con chung.

- Bà Vũ Thị L3, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Ng, huyện P, TP Hà Nội.

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

- Bà Vũ Thị Ch1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Ng, huyện P, TP Hà Nội.

Nay là xã HM, Thành phố Hà Nội

- Bà Vũ Thị Kim A, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Ph, huyện P, TP Hà Nội.

Nay là xã P, Thành phố Hà Nội

Ngoài ra hai cụ không có con riêng, không có con ngoài giá thú, không có con nuôi nào khác.

Trong đó, các cụ là bố mẹ của cụ V1 và cụ T1 đã chết trước các cụ. Các bà Vũ Thị T4, Vũ Thị L3, Vũ Thị Ng, Vũ Thị Ch1 đều đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế do bố mẹ để lại, bà K từ chối nhận di sản thừa kế do ông Đ1 để lại.

2.3. Di sản thừa kế do cụ V1 và cụ T1 để lại gồm:

2.3.1. Đất ở: Quyền sử dụng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 07, diện tích 405m^2 thời hạn sử dụng lâu dài, tại địa chỉ: Xã Ng, huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 335261, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00287QSDĐ/196/QĐ.H do UBND huyện P, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 20/5/2002 cho hộ ông Vũ Đức V1

2.3.2. Đất nông nghiệp: Cụ V1 không được giao đất nông nghiệp.

Diện tích đất nông nghiệp của cụ T1 được chia theo nhân khẩu và phần đất nông nghiệp cụ T1 được hưởng thừa kế của con trai là ông Vũ Đức Đ1 nằm trong tổng diện tích đất ở xứ đồng Man Khoang Trong, số thửa 12, tờ sơ đồ số 2, diện tích 962m^2 và tại xứ đồng Dộc Khoai, thửa số 3, tờ sơ đồ số 5, diện tích 1.337m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Vũ Thành V.

Tổng diện tích đất nông nghiệp này được Nhà nước giao vào năm 1993 theo Nghị định 64 của Chính phủ cho 6 nhân khẩu gồm:

Cụ Nguyễn Thị T1

Ông Vũ Thành V

Ông Vũ Đức Đ1

Bà Vũ Thị Kim A

Chị Vũ Thanh H

Anh Vũ Xuân L.

2.4. Thỏa thuận phân chia tài sản:

Do các bà Vũ Thị T4, Vũ Thị L3, Vũ Thị Ng, Vũ Thị Ch1 đều đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế do bố mẹ để lại, ông S từ chối nhận di sản là đất nông nghiệp chỉ xin nhận phần đất ở, bà K từ chối nhận di sản thừa kế do ông Đ1 để lại, bà Kim A từ chối nhận di sản là đất ở, chỉ xin nhận phần thừa kế được chia là đất nông nghiệp và xin được nhận lại phần đất nông nghiệp được chia theo nhân khẩu của mình nên các đương sự thống nhất chia như sau:

2.4.1. Về đất ở: Giao cho ông Vũ Ngọc S được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 52-1, diện tích 171m^2 được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 9, 1), trên đất có 01 cây vối do ông S trồng. (Thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 07, tại địa chỉ: Xã Ng, huyện P, tỉnh Hà Tây, nay là TP Hà Nội) có giá trị quyền sử dụng đất là 2.565.000.000đ (Hai tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Giao cho ông Vũ Thành V được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 52-2, diện tích 234m^2, được giới hạn bởi các điểm (4, 5, 6, 7, 8, 9, 4), trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng, bê tông cốt thép, 01 ngôi nhà cấp 4 mái gỗ, lợp ngói, 01 đoạn tường bao, 01 cổng gồm 02 trụ cổng và mái, 04 cánh cổng sắt, sân lát gạch đỏ, 04 cây bưởi, 01 cây hòe, 02 cây cau là tài sản thuộc sở hữu của ông Vũ Thành V và bà Cấn Thị L1. (Thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 07, tại địa chỉ: Xã Ng, huyện P, tỉnh Hà Tây, nay là TP Hà Nội) có giá trị quyền sử dụng đất là 3.510.000.000đ (Ba tỷ năm trăm mười triệu đồng).

Có sơ đồ kèm theo

2.4.2. Về đất nông nghiệp:

Giao cho bà Vũ Thị Kim A, chị Vũ Thanh H và anh Vũ Xuân L được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 12, tờ sơ đồ số 2, diện tích 962m^2 tại xứ đồng Man Khoang Trong, xã Ng, huyện P, TP Hà Nội trong đó, phần của bà Kim A là 660m^2 có giá trị 102.300.000đ, phần của chị H và anh L mỗi người 151m^2 trị giá 23.405.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng)

Giao cho ông Vũ Thành V được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 3, tờ sơ đồ số 5, diện tích 1.337m^2 tại xứ đồng Dộc Khoai, xã Ng, huyện P, TP Hà Nội

có giá trị 207.235.000đ (Hai trăm linh bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, những người được giao đất có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Vũ Ngọc S và ông Vũ Thành V được miễn án phí dân sự.

Bà Vũ Thị Kim A phải chịu án phí dân sự là 2.257.000đ *(Hai triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*.

Chị Vũ Thanh H và anh Vũ Xuân L mỗi người phải chịu án phí dân sự là 585.000đ *(Năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng)*.

Hoàn trả lại bà Dương Thị K số tiền 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí yêu cầu độc lập đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013543 ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV9;
- Phòng THADS KV9;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Minh Loan